



CASUMINA
BẠN ĐƯƠNG TIN CẬY

2015 - 2016 **TIRE** **CATALOG**

LỐP XE MÁY * MOTORCYCLE TIRE



www.casumina.com

Casumina là thương hiệu xăm lốp xe có thị phần lớn nhất tại thị trường Việt Nam. Săm lốp xe máy Casumina có nhiều quy cách, mẫu mã đa dạng phù hợp với nhiều loại xe đang có trên thị trường trong và ngoài nước với đặc tính nổi trội về độ bền, chạy êm, bám đường tốt.

Săm lốp xe máy Casumina được sản xuất theo tiêu chuẩn JIS của Nhật Bản K6366, K6367, và được kiểm soát bằng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 14001. Sản phẩm xăm lốp xe máy Casumina trong nhiều năm qua được các nhà sản xuất xe máy Suzuki, Yamaha... lựa chọn để lắp ráp và bán thay thế.

Casumina brand has the biggest tube & tire market share in Vietnam. Casumina tube & tire has a lot of tire sizes and tread designs in order to fit various motorcycles for domestic and foreign markets, with dominant features in durability, comfortable driving and good traction. Casumina tube & tire is made following Japanese Industrial Standards JIS K6366 and JIS K6367, is controlled according to ISO 9001 and ISO 14001 system also. Casumina products have being chosen to be assembling parts and spare parts by motorcycle manufacturers such as Suzuki, Yamaha etc.

Kỷ hiệu và giải thích

Symbols and Explanation

- p.04-05

Nhóm lốp xe máy truyền thống

Traditional group

- p.06

CA101A - p.07

CA101D - p.08

CA102A - p.09

CA108C - p.10

CA108D - p.11

CA113A - p.12

CA120A - p.13

CA120C - p.14

CA120D - p.15

CA122K - p.16

CA123A - p.17

CA125A - p.18

CA126C - p.19

CA127A - p.20

CA132A - p.21

CA134I - p.22

CA136A - p.23

CA136B - p.24

CA137A - p.25

CA137B - p.26

CA137C - p.27

CA137D - p.28

CA140A - p.29

CA140B - p.30

CA142A - p.31

CA142B - p.32

CA142C - p.33

CA142D - p.34

CA142E - p.35

CA142F - p.36

CA142G - p.37

CA146A - p.38

Nhóm lốp xe máy truyền thống - Xe thô

Traditional group - Cargo Bike

CA108E - p.39

CA120A - p.41

CA126F - p.42

CA109A - p.40

CA132A - p.44

CA138A - p.45

CA130A - p.43

Nhóm lốp xe máy truyền thống - Vespa cổ

Traditional group - Vintage Vespa

CA116A - p.47

CA134A - p.48

CA135A - p.49

Nhóm lốp xe máy hiện đại

Modern group

- p.50

CA120G - p.51

CA122G - p.52

CA128D - p.53

CA128E - p.54

CA128F - p.55

CA128I - p.56

CA128K1 - p.57

CA128L - p.58

CA139B - p.59

CA140C - p.60

CA140D - p.61

CA142D - p.62

CA142H - p.63

Nhóm lốp thiết kế của Casumina

Casumina Design group

- p.64-65

Super Lion - p.66-67

Thunder - p.68-69

Dragon - p.70-71

Săm xe máy Casumina

Casumina Motorcycle Tubes

- p.72-73

Bảng quy cách lốp cho xe máy

Motorcycle Tire Size Chart

- p.74-75

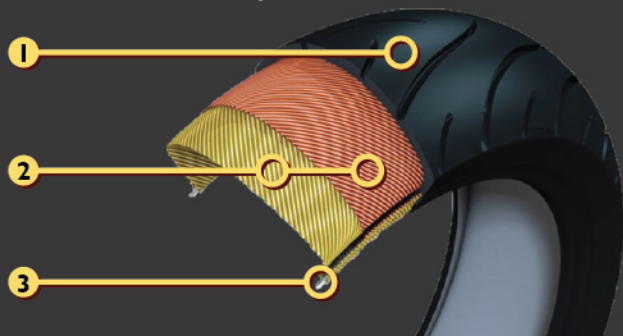


CASUMINA

www.casumina.com

CẤU TRÚC LỐP XE MÁY

Motorcycle tire structure



- 1 Mặt lốp Tread 2 Lốp vải mảnh chéo Bias plies carcass 3 Tanh thép Bead wire

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Technical specification chart

Số PR:

Cho biết khả năng chịu tải của lốp khi bơm đủ áp suất hơi

Ply Rating (PR):

Identifies how much load the tire is designed to carry at its specified pressure

Chỉ số tải là ký hiệu tốc độ:

Là sự kết hợp của một dãy số và một chữ cái, quy định tải trọng tối đa và tốc độ tối đa khi bơm đủ áp suất hơi

Load Index (LI) and Speed Rating symbol:

Is the combination of a numeric sequence and a alphabetical letter, identifies the maximum service load and speed at its specified pressure

PR	Kg/cm ²	kPa	PSI	LI	Kg	LI	Kg	LI	Kg	Speed Rating	Km/h
4	2.3	226	33	31	109	41	145	51	195	J	100
6	2.8	275	40	32	112	42	150	52	200	K	110
8	3.1	304	44	33	115	43	155	53	206	L	120
				34	118	44	160	54	212	M	130
				35	121	45	165	55	218	N	140
				36	125	46	170	56	224	P	150
				37	128	47	175	57	230		
				38	132	48	180	58	236		
				39	136	49	185	59	243		
				40	140	50	190	60	250		



Sử dụng sảm

Lốp sử dụng sảm đồng bộ với lốp để có hiệu quả sử dụng tốt nhất

Tube type synchronization

Synchronizing Casumina tube with tire are recommended for best performance



Hiệu suất sử dụng cao

Công thức cao su cải tiến tăng khả năng chống mài mòn, giúp kéo dài tuổi thọ lốp nhưng giá thành vẫn không đổi

High performance

Enhanced rubber compound helps tire increase anti abrasion, durability without increase price



Chịu tải

Hàng lốp được gia cố cứng vững hơn giúp tăng cường khả năng chịu tải của lốp →thở hàng nặng tốt hơn

Heavy duty

Reinforced sidewalls help enhance load capacity →loading better



Chạy đường xấu

Cấu trúc lốp được gia cố bền bỉ hơn, chịu va đập tốt hơn khi chạy trên đường xấu

Road hazard

Reinforced tire structure improves durability and impact resistant



Thoát nước tốt

Rãnh gai được thiết kế định hướng giúp thoát nước tốt, tăng khả năng bám khi xe chạy trên đường ướt → an toàn hơn

Good drainage

Orient grooves give good drainage for better grip on wet surfaces →safer



Kiểu gai theo xe

Kiểu gai thiết kế mô phỏng theo kiểu gai lắp theo xe giúp dễ dàng nhận biết và lựa chọn đúng cho xe

Original Equipment Manufacturer design

To be familiar with the original tread pattern design help riders recognize easily and make correct decisions



Thiết kế thể thao

Kiểu gai thiết kế kiểu dáng mạnh mẽ, thể thao, phù hợp với phong cách của giới trẻ

Sporty design

Strong and sporty tread pattern fits with youth style



Thiết kế của Casumina

Kiểu gai riêng của Casumina giúp xe chuyển động với phong cách, cá tính riêng đặc trưng cho người lái

Casumina Design

Unique Casumina tread pattern design generates different lifestyles for riders



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỚP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group

Nhóm lớp xe máy truyền thống với nhiều mẫu gai rất phong phú, đa dạng, thân thuộc và gần gũi với đại đa số người tiêu dùng trên cả nước và gần được cho hầu hết các loại xe máy.

Để phục vụ nhu cầu di chuyển đặc biệt như chở nặng, chạy trên đường xấu, ... Casumina phát triển và tăng cường thêm khả năng chịu tải, chịu va đập, chống mài mòn cho một số sản phẩm lốp chuyên dụng.

Traditional Products Group has a large number of tread pattern designs with various tire sizes, which are familiar and fit almost motorcycles all around Vietnam.

In order to serve specialized moving demand such as heavy load, hazard road surface, etc. Casumina develops and enhances reinforced abilities for some products such as extra load capacity, durability, impact resistant and anti abrasion.



CA101A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t. đa Max. Load (kg)	Tốc độ t. đa Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120
2.50-17	4	38L	132	120
2.25-18	4			
2.75-18	4			
2.75-18	6			



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CA101D



CA101D

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120



CA102A



CA102A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
2.50-17	6	43L	155	120
2.50-17 thò	8	45L	165	120
2.75-17	6	47L	175	120
2.75-17 thò	8	50L	190	120
3.00-17	6	45P	165	150
3.00-17 thò	8	53P	206	150



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CA108C



CA108C

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.50-17	6	43L	155	120



CA108D



CA108D

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.50-17	6	43L	155	120



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CA113A



CA113A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.75-17	4	41L	145	120



CA120A



CA120A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI 20C



CAI 20C

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đá Max. Load (kg)	Tốc độ t.đá Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120
2.50-17	4	38L	132	120
2.75-17	4	41L	145	120
2.75-17	6	47L	175	120



CAI 20D



CAI 20D

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đá Max. Load (kg)	Tốc độ t.đá Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
2.50-17	6	43L	155	120
2.75-17	4	41L	145	120



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI22K



CAI22K

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đá Max. Load (kg)	Tốc độ t.đá Max. Speed (km/h)
2.75-17	4	41L	145	120
2.75-17	6	47L	175	120



CAI23A



CAI23A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đá Max. Load (kg)	Tốc độ t.đá Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120
2.50-17	4	38L	132	120
2.50-17	6	43L	155	120
2.50-17	8	45L	165	120
2.50-17 thò	6	43L	155	120



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI25A



CAI25A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
2.50-17	6	43L	155	120
2.75-17	6	47L	175	120



CAI26C



CAI26C

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	43L	155	120
2.75-17	4	47L	175	120
2.75-17	6	47L	175	120



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI27A



CAI32A



CAI27A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đá Max. Load (kg)	Tốc độ t.đá Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
2.50-17	6	43L	155	120

CAI32A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đá Max. Load (kg)	Tốc độ t.đá Max. Speed (km/h)
3.00-17	6	45P	165	150
3.00-17	8	45P	165	150



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI 34I



CAI 34I

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
2.75-17	6	47L	175	120



CAI 36A



CAI 36A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
2.50-17	6	43L	155	120
2.50-17	8	45L	165	120



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI 36B



CAI 37A



CAI 36B

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t. đa Max Load (kg)	Tốc độ t. đa Max Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120

CAI 37A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t. đa Max Load (kg)	Tốc độ t. đa Max Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
2.50-17	6	43L	155	120
2.75-17	6	47P	175	150



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI 37B



CAI 37B

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
2.50-17	6	43L	155	120



CAI 37C



CAI 37C

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI37D



CAI37D

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
2.50-17	6	43L	155	120



CAI40A



CAI40A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
2.75-17	4	41L	145	120
2.75-17	6	47P	175	150



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI40B



CAI40B

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120
2.50-17	4	38L	132	120



CAI42A



CAI42A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
2.75-17	4	41L	145	120
2.75-17	6	47L	175	120



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CA142B

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120



CA142C

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI42D



CAI42D

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ. Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ. Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
2.50-17	6	43L	155	120
2.75-17	4	41L	145	120



CAI42E



CAI42E

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ. Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ. Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120
2.50-17	4	38L	132	120



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI42F



CAI42F

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đá Max. Load (kg)	Tốc độ t.đá Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120



CAI42G



CAI42G

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đá Max. Load (kg)	Tốc độ t.đá Max. Speed (km/h)
2.75-17	4	41L	145	120



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG

Traditional
Group



CAI46A



CAI46A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120



CAI08E



CAI08E

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
3.50-19	4			
3.50-19	12			



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG - XE THỜ

Traditional Group
- Cargo Bike



CA109A



CA109A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max Load (kg)	Tốc độ t.đ Max Speed (km/h)
3.00-19	6			



CA120A



CA120A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max Load (kg)	Tốc độ t.đ Max Speed (km/h)
3.50-16	6	52P	200	150
3.50-16	8			



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG - XE THỜ

Traditional Group
- Cargo Bike



CAI26F



CAI26F

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
3.00-19	6			
3.50-19	12			



CAI30A



CAI30A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
90/90-18	6			



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG - XE THỜ

Traditional Group
- Cargo Bike



CAI32A



CAI32A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
3.00-17	6	45P	165	150
3.00-17	8	45P	165	150



CAI38A



CAI38A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
3.00-18	6			



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỚP XE MÁY TRUYỀN THỐNG - VESPA CỔ

Traditional Group
- Vintage Vespa



CA116A



CA116A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
3.50-8	6			
3.50-10	6			



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỐP XE MÁY TRUYỀN THỐNG - VESPA CỔ

Traditional Group
- Vintage Vespa



CAI34A



CAI34A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
3.50-10	4	51M	195	130
3.50-10	6	59M	243	130



CAI35A



CAI35A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
3.00-10	6	51M	195	130



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỚP XE MÁY HIỆN ĐẠI

Modern
Group

Nhóm lớp xe máy hiện đại được thiết kế hợp thời trang, trẻ trung theo hầu hết các mẫu gai lốp gắn trên xe, cùng với những cải tiến vượt trội về tính năng giúp kéo dài tuổi thọ và chất lượng sản phẩm. Với những kiểu gai thiết kế theo xe và tính năng mới của lốp Casumina, người lái sẽ trải nghiệm chất Casumina trên đúng kiểu gai gốc của xe yêu trên mọi nẻo đường.

Modern Products Group is designed with fashion OEM tread pattern designs of modern motorbikes nowadays, along with advanced improvements for longer lasting lifetime and quality. So that, riders can experience Casumina quality on the OEM tread pattern design of their beloved motorbike.



CA 120G



CA 120G

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.50-17	4	38L	132	120
70/90-17	6	43P	155	150
80/90-17	6	50P	190	150



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỐP XE MÁY HIỆN ĐẠI

Modern
Group



CAI22G



CAI22G

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
70/100-17	4	40P	140	150
80/90-17	6	50P	190	150



CAI28D



CAI28D

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
80/90-16	6	43P	155	150



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY HIỆN ĐẠI

Modern
Group



CAI 28E



CAI 28E

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
70/90-14	4	34P	118	150
70/90-16	4	36P	125	150



CAI 28F



CAI 28F

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120
2.50-17	4	38L	132	120
2.75-17	4	41L	145	120
80/90-14	4	40P	140	150
90/90-14	6	52P	200	150
70/90-16	4	36P	125	150
80/90-16	6	43P	155	150
60/90-17	4	27P	97.5	150
70/80-17	4	35P	121	150
70/90-17	4	38P	132	150
80/80-17	4	41P	145	150
90/80-17	4	46P	170	150



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY HIỆN ĐẠI

Modern
Group



CA128I



CA128I

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
80/90-14	4	40P	140	150



CA128KI



CA128KI

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120
2.50-17	6	43L	155	120
70/90-14	4	34P	118	150
80/90-14	4	40P	140	150
80/90-14	6	46P	170	150
90/90-14	4	46P	170	150
90/90-14	6	52P	200	150
70/90-16	4	36P	125	150
80/90-16	6	48P	180	150
60/90-17	4	30P	106	150
70/90-17	4	38P	132	150
80/90-17	6	50P	190	150



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY HIỆN ĐẠI

Modern
Group



CAI 28L

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
70/90-17	4	38P	132	150
70/90-17	6	43P	155	150



CAI 39B

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đĩa Max. Load (kg)	Tốc độ t.đĩa Max. Speed (km/h)
60/90-17	4	30P	106	150
70/90-17	4	38P	132	150
70/90-17	6	43P	155	150
80/90-17	4	44P	160	150
80/90-17	6	50P	190	150

NHÓM LỐP XE MÁY HIỆN ĐẠI

Modern
Group



CAI 40C

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
70/90-17	4	38P	132	150



CAI 40D

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
80/90-17	4	44P	160	150
80/90-17	6	50P	190	150



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY HIỆN ĐẠI

Modern
Group



CAI42D



CAI42D

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
70/100-17	4	40P	140	150



CAI42H



CAI42H

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t.đ Max. Load (kg)	Tốc độ t.đ Max. Speed (km/h)
80/90-17	6	50P	190	150



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỚP THIẾT KẾ CỦA CASUMINA

Casumina Design
Group

Lấy cảm hứng từ cuộc sống như sức mạnh của tự nhiên, đời sống tâm linh Á Đông, ... Casumina đã sáng tạo nên những kiểu gai lốp mang chất riêng đặc trưng của Casumina bằng quy trình kiểm soát chặt chẽ sản phẩm từ nguyên vật liệu cho đến thành phẩm cuối cùng. Do đó, nhóm lớp thiết kế của Casumina sẽ giúp bạn thể hiện cá tính riêng một cách mạnh mẽ, ấn tượng với chất lượng sản phẩm tuyệt vời.

Inspiring from the power of nature, Asian spiritual life, etc., Casumina is creating unique Casumina Pattern designs via strictly control process from raw materials to final products. So that, Casumina Design Products Group can help you show your own lifestyle strongly and impressively, along with an excellent quality product.



CASUMINA

www.casumina.com

NHÓM LỐP XE MÁY THIẾT KẾ CỦA CASUMINA

Casumina Design
Group



SUPER LION CA134R



CA134R

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t. đa Max Load (kg)	Tốc độ t. đa Max Speed (km/h)
70/90-14	4	34P	118	150
70/90-14	6	40P	140	150
80/90-14	4	40P	140	150
80/90-14	6	46P	170	150
90/90-14	6	52P	200	150
70/90-17	6	43P	155	150
80/90-17	6	50P	190	150



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỐP XE MÁY THIẾT KẾ CỦA CASUMINA

Casumina Design
Group



THUNDER

CA145A



CA145A

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t. đa Max Load (kg)	Tốc độ t. đa Max Speed (km/h)
2.25-17	4	33L	115	120
2.50-17	6	43L	155	120



CASUMINA

www.casumina.com

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION**

NHÓM LỚP XE MÁY THIẾT KẾ CỦA CASUMINA

Casumina Design
Group



CA134S



CA134S

Kích cỡ Size	Số PR PR	Chỉ số Index	Tải trọng t. đa Max Load (kg)	Tốc độ t. đa Max Speed (km/h)
70/90-17	4	38P	132	150
80/90-17	6	50P	190	150



CASUMINA

www.casumina.com

BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY
THE TRUE COMPANION

SẼM XE MÁY CASUMINA

Casumina Motorcycle Tubes

Săm xe máy Casumina được sản xuất từ nguồn cao su chất lượng, với quá trình sản xuất kiểm soát nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn Nhật Bản nên chất lượng sản phẩm luôn thỏa mãn nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng.

Săm xe máy Casumina đa dạng chủng loại phù hợp với hầu hết các dòng xe máy đang có mặt trên thị trường với hai thành phần cao su chính:

- Cao su thiên nhiên: Sản xuất từ 100% cao su thiên nhiên giúp sản phẩm có đặc tính dẻo dai, chịu được lực kéo dãn cao
- Cao su Butyl: Cao su tổng hợp butyl bên trong thành phần giúp sản phẩm có đặc tính kín khí cao, bền bỉ và chịu nhiệt tốt hơn

Casumina motorcycle tubes are made from quality rubber material, which are under strict process control to comply with Japanese Industrial Standards. That's the reason we satisfy all of consumer desire in tubes

Casumina motorcycle tubes have a vast product range for almost motorcycle brands with two rubber compounds:

- Natural rubber: Made of 100% natural rubber for excellent flexibility with high tensile strength
- Butyl rubber: Made of synthetic butyl rubber inside for low air permeability, good durability and heat resistance



Kích cỡ săm Tube size	Đóng gói Package		Thành phần cao su Rubber compound	
	Hộp giấy Carton box	Bao PE PE bag	Thiên nhiên Natural R	Butyl Butyl R
3.50/4.00-8		X	X	
2.75/3.00-10		X		X
3.00-10		X	X	
3.50-10		X		X
70-80/90-14		X	X	
90/90-14		X	X	
70-80/90-16		X	X	
3.50-16		X	X	
2.25/2.50-17	X	X	X	X
2.75/3.00-17		X	X	
2.75-17	X	X		X
2.75-17 (80/90-17)		X	X	X
3.00-17		X	X	
2.50-18		X	X	
3.00-18		X	X	
3.00-19		X	X	
3.50-19		X	X	



CASUMINA

www.casumina.com

BẢNG QUY CÁCH LỐP CHO XE MÁY

Motorcycle Tire Size Chart

Quy cách (tire size)		Loại Type	Honda	Yamaha
Trước Front	Sau Rear			
3.50-10	3.50-10	TT	Chaly	
70/90-14	80/90-14	TT		Mio

Suzuki	SYM	Vespa Piaggio	Khác
	Simply	PX	Vivio (Kymco)



CASUMINA

www.casumina.com

SẴM & LỐP XE MÁY (Dùng sẫm)

Casumina là thương hiệu sẫm lốp xe lớn nhất tại thị trường Việt Nam. Sẫm lốp xe máy Casumina có nhiều quy cách, mẫu mã đa dạng phù hợp với nhiều loại xe đang có trên thị trường trong và ngoài nước với đặc tính nổi trội về độ bền, chạy êm, bám đường tốt.

Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn JIS của Nhật Bản K6366, K6367, và được kiểm soát bằng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 14001. Trong nhiều năm qua, sẫm lốp xe máy Casumina được các nhà sản xuất xe máy danh tiếng như Suzuki, Yamaha... lựa chọn để lắp ráp và bán thay thế.

Lốp xe máy Casumina có nhiều dòng khác nhau thích hợp với nhu cầu đa dạng của thị trường.

*** Nhóm lốp truyền thống:** Phù hợp cho những dòng xe máy thông dụng như Dream, Cub, Wave..., ngoài ra còn có một số sản phẩm đặc chủng chuyên chở hàng, chở nặng, chịu va đập tốt.

*** Nhóm lốp hiện đại:** Phù hợp với hầu hết các loại xe máy đời mới, kiểu dáng trẻ trung, năng động.

*** Nhóm lốp Casumina:** Mang phong cách thiết kế riêng của Casumina gồm Casumina Super Lion, Casumina Dragon, Casumina Thunder với kiểu gai sáng tạo, mạnh mẽ, cá tính, chắc chắn sẽ mang lại ấn tượng mạnh cho người sử dụng.

MOTORCYCLE TUBE & TIRE (Tube Type)

Casumina is the biggest tube & tire manufacturer in Vietnam. We have a large number of products in order to fit various motorcycles for domestic market and foreign market, with dominant features in durability, comfortable driving and good traction.

Casumina tubes & tires are made following Japanese Industrial Standards JIS K6366 and JIS K6367; are controlled according to ISO 9001 and ISO 14001 system also. Casumina products have being chosen as assembling parts and spare parts by famous motorcycle manufacturers such as Suzuki, Yamaha.

Casumina have several product groups to adapt diversity needs of customers

*** Traditional Group:** Fit most common motorcycles such as Honda Dream, Cub, Wave, etc. Some products are specialized tires with reinforced load capacity, durability and antiwear

*** Modern Group:** Fit a lot of new sporty and fashionable motorcycles nowadays.

*** Casumina Design Group:** Including Casumina Super Lion, Casumina Dragon and Casumina Thunder. Group have creativity, bold and youth lifestyle on tread pattern designs which absolutely make good impression to customers.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM THE SOUTHERN RUBBER INDUSTRY JSC.

[a] 180 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh

[o] 146 Nguyễn Biểu, phường 2, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

[t] 08 38 362 369 – 08 38 362 373

[w] www.casumina.com

[f] 08 38 362 376

[e] casumina@casumina.com.vn